TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 347/2020/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Anh T, sinh năm: 1986

Địa chỉ cư trú: Số 1050/73/15 đường Quang Trung, Phường 8, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

- Chị Trần Thị Xuân L, sinh năm: 1988

Địa chỉ cư trú: Số 1050/73/15 đường Quang Trung, Phường 8, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Trần Anh T và chị Trần Thị Xuân L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 01/2015 ngày 16/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

[2] Theo đơn yêu cầu của đương sự ngày 24/02/2020 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/4/2020 anh Trang và chị Lương yêu cầu Tòa án công

nhận thuận tình ly hôn. Về con chung hai bên xác định không có. Tài sản chung anh Trang và chị Lương tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, anh T và chị L thật sự tự nguyện ly hôn, hai bên xác định không có con chung và tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Anh T và chị Trần Thị Xuân L thuận tình ly hôn

Giấy chứng nhận kết hôn số 55 quyển số 1/2015 ngày 16/11/2015 do Ủy ban nhân xã V, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre cấp cho anh Trang và chị Lương hết hiệu lực.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Anh T và chị Trần Thị Xuân L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được cấn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T và chị L đã đóng tạm ứng lệ phí theo Biên lai số AA/2019/0025794 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế